

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 42/2020/HSST
Ngày 23/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đặng Phùng Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Văn Trước**

- Ông **Tô Văn Đào**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Hải L** – Thư ký TAND huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa ông: **Trần Hữu Tám** – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLHS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo sau đây:

Nguyễn Quang T, sinh năm: 1958, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trú tại: Tổ 4, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12;

Con ông: Nguyễn Quang V (đã chết); Con bà: Đỗ Thị L (đã chết);

Vợ: Phạm Thị N, sinh năm: 1958;

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1996;

Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn B**, sinh năm: 1952

Trú tại: Tổ 4, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

2. Ông **Trần Văn D**, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

3. Ông **Trần Xuân T1**, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(Những người liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2019 (nhằm ngày 05/12 Âm lịch năm Mậu Tuất), là ngày chạp mả của gia đình **Trần Văn B**. Nên có **Trần Văn D** và **Trần Xuân T1** cùng một số người bà con của tộc “*Trần Văn*”, tiến hành dọn dẹp mồ mả của ông bà được chôn cất từ rất lâu tại khu

đất trồng keo lá tràm (keo lá tràm do ông Nguyễn Quang T trồng và quản lý - thuộc Tổ 4, thôn C, xã B, huyện T). Trong lúc dọn dẹp mồ mã, Trần Văn D nhìn thấy một số cây keo lá tràm nằm sát mồ mã của ông bà, sợ rễ của các cây keo lá tràm này bám vào mồ mã của ông bà nên D dùng rựa chặt 07 cây keo lá tràm cách mép các ngôi mộ khoảng từ 60cm đến 120cm. Đến khoảng tháng 09/2019, Nguyễn Quang T đi thăm vườn keo lá tràm thì thấy các cây keo lá tràm bị chặt (khoảng 25 cây). Do các cây keo lá tràm được trồng sát các ngôi mộ của gia đình ông Trần Văn B nên Nguyễn Quang T nghi ngờ người nhà ông Trần Văn B đã chặt các cây keo lá tràm của mình. Nguyễn Quang T đến nhà ông B, yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại đối với các cây keo lá tràm đã bị chặt hạ, nếu không sẽ đập phá mồ mã nhưng ông B không đồng ý bồi thường. Do ông B không bồi thường số cây keo lá tràm bị chặt hạ nên Nguyễn Quang T đi đến khu mộ của gia đình ông Trần Văn B, dùng 01 cái rựa bằng kim loại dài 53cm (phần cán dài 27cm, lưỡi dài 26cm, đầu lưỡi rựa dạng tù cong về một bên, một bên sắc bén, phần rộng nhất 3,7cm) đập bể 17 tấm bia được gắn trên 17 ngôi mộ (08 tấm bia mộ bị đập bể không rõ hình dạng, 09 tấm bia mộ bị đập bể hoàn toàn). Sau khi đập xong, ông T đến nhà ông B, thông báo cho gia đình ông B biết là ông đã đập bia mộ của gia đình ông B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 17 tấm bia bằng đá hoa cương có chiều dài các cạnh là 15x20x02cm trị giá 484.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKS ngày 10/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội: “Xâm phạm mồ mã” theo khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Quang T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Do gia đình ông B chặt cây keo của bị cáo. Bị cáo có đến nhà ông B đòi bồi thường các cây keo đã bị chặt nhưng nhà ông B không chịu bồi thường. Giận vì gia đình ông B không bồi thường nên bị cáo đã đập phá các bia mộ nhà ông B. Bị cáo đã làm lại các bia mộ cho gia đình ông B. Nhưng bị cáo không thống nhất bồi thường cho ông B khi ông B chưa bồi thường cây bị chặt phá cho bị cáo với số tiền 2.200.000đ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ông Trần Văn B khai: Vào khoảng tháng 01/2019 gia đình ông có chạp mả hàng năm và các con cháu ông có đi dọn dẹp phát cỏ mồ mã. Ông nghe người nhà nói lại có chặt 09 cây keo lá tràm nằm gần sát các mả vì sợ ăn vô trong mả. Ông T có đến gia đình ông đòi bồi thường nhưng ông không bồi thường. Tiếp đó ông T đến nhà và nói với ông là “Tau đã đập phá hết mồ mã nhà mi rồi”. Sau đó ông B đến khu vực mồ mã để kiểm tra thì thấy 17 tấm bia mộ nhà ông bị đập phá. Sau đó ông báo cáo cơ quan Công an. Hiện nay ông T đã khắc phục xong những tấm bia cho gia đình ông, nhưng ông yêu cầu ông T phải bồi thường cho ông và gia đình tiền tổn thất tinh thần là 4.000.000 đồng.

* Lời khai của Trần Văn D: Ông có đi dọn dẹp mồ mã và thấy có mấy cây keo mọc sát các ngôi mộ nên ông đã dùng rựa chặt 07 cây keo đường kính từ 7 – 12 cm để rễ cây không ăn sâu vào trong mồ mã ông bà.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phân luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang T. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục sửa chữa toàn bộ mô mã bị đập phá; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hai người anh là Liệt sỹ, mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng. Đề nghị áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội: “Xâm phạm mô mã” theo khoản 1 điều 319 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Quang T từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 53cm (lưỡi dài 26cm, phần đầu lưỡi cong về một bên, một bên sắc bén, đầu lưỡi dạng tù, phần rộng nhất 3,7cm; phần cán rựa bằng tre, dạng hình trụ tròn, đường kính 2,8cm, dài 27cm) vì không còn giá trị sử dụng.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589, 607 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Nguyễn Quang T bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật cho ông Trần Văn B;

Riêng đối với yêu cầu của Nguyễn Quang T về việc buộc ông Trần Văn B bồi thường giá trị 25 cây keo bị chặt phá là 2.200.000 đồng. Đây là yêu cầu dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra khi nào bị cáo Nguyễn Quang T khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Đối với Trần Văn D, ngày 10/01/2019, Trần Văn D có hành vi chặt phá 07 cây keo lá tràm của Nguyễn Quang T, trị giá 210.000 đồng nên chưa đến mức truy cứu truy cứu trách nhiệm hình sự và hành vi trên đã hết thời hiệu xử lý hành vi vi phạm hành chính, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với Trần Văn D là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã dùng rựa đập phá 17 tấm bia mộ của gia đình ông B. Trước khi đập bị cáo có cảnh báo trước. Sau khi đập bị cáo có đến báo cho gia đình ông B việc đập phá bia mộ. Bị cáo thực hiện việc đập phá chỉ một mình bị cáo.

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người có quyền lợi liên quan và các chứng khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án;

- Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 17 tấm bia bằng đá hoa cương có chiều dài các cạnh là 15x20x02cm trị giá 484.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Vào khoảng tháng 9/2019, bị cáo Nguyễn Quang T đã dùng 01 cái rựa dài 53cm, lưỡi dài 26cm, phần đầu lưỡi cong về một bên, một bên sắc bén, đầu lưỡi dạng tù, phần rộng nhất 3,7cm; phần cán rựa bằng tre, dạng hình trụ tròn, đường kính 2,8cm, dài 27cm, dôn tại khu đất trồng keo lá tràm. Keo lá tràm này do bị cáo Nguyễn Quang T trồng và quản lý - thuộc: Tổ 4, thôn C, xã B, huyện T, đập bể 17 tấm bia được gắn trên 17 ngôi mộ của gia đình ông Trần Văn B. Trong đó, 08 tấm bia mộ bị đập bể không rõ hình dạng, 09 tấm bia mộ bị đập bể hoàn toàn.

Như vậy, hành vi và hậu quả của bị cáo Nguyễn Quang T gây ra đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Xâm phạm mồ mả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến đến trật tự, trị an trong địa phương, xâm phạm đến phong tục, tập quán, truyền thống của dân tộc Việt Nam. Bị cáo T đến thời điểm phạm tội là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm với mọi tội phạm do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi đập phá mồ mả của gia đình ông B với lỗi cố ý trực tiếp và mục đích thỏa mãn sự tức giận do gia đình ông B không bồi thường các cây keo đã bị chặt. Bị cáo T đã thực hiện việc đập phá 17 tấm bia mộ gây thiệt hại với tổng số tiền 484.000 đồng. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến đời sống tâm linh, đời sống tinh thần của những người con, người cháu, người thân của gia đình ông B. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Quang T xuất thân là người dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục sửa chữa toàn bộ bia mộ bị đập phá. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có hai người anh là Liệt sĩ, mẹ của bị cáo được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo cũng hối hận với việc làm của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không cần hình thức xử phạt tù mà áp dụng hình thức cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng là thỏa đáng. Ngoài ra, bản thân bị cáo cũng khó khăn, sống bằng nghề nông, bị cáo cũng đã lớn tuổi, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân huyện T không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trước đây ông Trần Văn B yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang T bồi thường cho ông và gia đình tiền tổn thất tinh thần số tiền 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải bồi thường cho ông Trần Văn B số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[5] Về xử lý vật c hủng: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 53cm (lưỡi dài 26cm, phần đầu lưỡi cong về một bên, một bên sắc bén, đầu lưỡi dạng tù, phần rộng nhất 3,7cm; phần cán rựa bằng tre, dạng hình trụ tròn, đường kính 2,8cm, dài 27cm) bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

[6] Đối với Trần Văn D có hành vi chặt phá 07 cây keo lá tràm của Nguyễn Quang T, trị giá 210.000 đồng nên chưa đến mức truy cứu truy cứu trách nhiệm hình sự và hành vi trên đã hết thời hiệu xử lý hành vi vi phạm hành chính, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét trách nhiệm đối với Trần Văn D là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu của bị cáo Nguyễn Quang T về việc buộc ông Trần Văn B bồi thường giá trị 25 cây keo bị chặt phá là 2.200.000 đồng. Yêu cầu này của bị cáo không liên quan trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bị cáo Nguyễn Quang T có quyền khởi kiện thành một án dân sự khác.

[8] Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Quang T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 23/7/2020.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[10] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Quang T phạm tội: "Xâm phạm mồ mã".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 319; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Quang T 09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Quang T kể từ ngày UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, nơi bị cáo cư trú tiếp nhận việc giám sát giáo dục bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Quang T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 và Điều 607 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải bồi thường cho ông Trần Văn B số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 53cm (lưỡi dài 26cm, phần đầu lưỡi cong về một bên, một bên sắc bén, đầu lưỡi dạng tù, phần rộng nhất 3,7cm; phần cán rựa bằng tre, dạng hình trụ tròn, đường kính 2,8cm, dài 27cm) vì không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Quang T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 09/7/2020.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành